TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH PHÚ THỌ** ————	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ————————
Bản án số: 13/2020/DS-ST Ngày 10 tháng 8 năm 2020 V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán:* Chủ toạ phiên toà: Ông Đinh Việt Giang.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Ngyễn Ngọc Tâm và ông Nguyễn Tiến Dũng. - *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Ông Nguyễn Thanh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh P tham gia phiên toà:* Bà Bùi Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L, tỉnh P, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 3 năm 2020 về việc " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐST-DS ngày 29 tháng 6 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 19/2020/QĐST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1957. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu 4, xã Vĩnh L, huyện L, tỉnh P.

Bị đơn: Anh Phạm Ngọc S, sinh năm 1973. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu 6 (nay là khu 4), xã Vĩnh L, huyện L, tỉnh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày:

Do quen biết với anh S nên trước ngày 26/1/2018 (âm lịch) ông T có cho anh Phạm Ngọc S vay số tiền là 15.000.000đ có viết giấy vay tiền, đến ngày 26/01/2018 (âm lịch) anh Svay thêm số tiền 10.000.000đ. Tổng hai lần anh S vay của ông T là 25.000.000đ, hai bên viết lại giấy vay tiền tổng số tiền là 25.000.000đ. Anh S có ký và chỉ điểm vào giấy vay tiền. Hai bên thống nhất lãi

suất thỏa thuận miệng là gấp 2-3 lần lãi suất ngân hàng và hẹn sau 01 tháng anh S sẽ trả số tiền trên. Từ khi vay đến nay anh S không trả lãi cho ông T lần nào nên hai bên chưa thống nhất với nhau tiền lãi cụ thể. Ông T đã đòi nhiều lần nhưng đến nay anh S vẫn không trả. Nay ông T đề nghị tòa án buộc anh S trả cho ông số tiền gốc là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi từ ngày vay 26/01/2018 (âm lịch) đến nay theo qui định của pháp luật là 0,83%/ 01 tháng.

Ý kiến của bị đơn: Tại các lời khai trong biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải tại tòa án anh Phạm Ngọc S trình bày:

Do quan hệ hàng xóm với ông T nên anh S có vay của ông T 03 lần, Lần 1 anh S vay số tiền 3.000.000đ, lần 2 anh S vay số tiền 3.000.000đ, lần 3 anh S vay của ông T 10.000.000đ nhưng ông T đưa cho anh S9.000.000đ còn lại 1.000.000đ ông T trừ luôn tiền lãi đối với số tiền này. Khi vay hai bên có viết giấy vay tiền, giấy vay tiền ông T giữ anh Skhông cầm giấy tờ gì. Các lần vay trên anh S và ông T thống nhất thỏa thuận lãi suất trong giấy vay tiền là 3.000đ/01 triệu/ 01 ngày có ghi vào các giấy vay tiền. Tổng số tiền anh S vay của ông T là 16.000.000đ nhưng thực tế anh S chỉ được cầm về 15.000.000đ. Nay ông T khởi kiện anh số tiền 25.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 26/01/2018 (âm lịch) và tiền lãi theo qui định thì quan điểm của anh Skhông đồng ý vì anh chỉ vay số tiền 15.000.000đ và anh chỉ nhất trí trả lãi theo qui định của pháp luật. Anh S khẳng định chữ ký và chữ họ tên trong giấy vay tiền ngày 26/01/2018 (âm lịch) ông T cung cấp cho Tòa án là chữ của anh, điểm chỉ cũng là tay của anh S điểm chỉ vào giấy vay tiền ngày 26/01/2018 (âm lịch).

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T. Buộc anh Phạm Ngọc S phải có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn T số tiền gốc là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) và tiền lãi từ ngày vay 26/01/2018 (âm lịch) đến nay là 0,83%/ 01 tháng.

Về án phí: Anh Phạm Ngọc S phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo đơn khởi kiện của ông Lê Văn T yêu cầu anh Phạm Ngọc S, có HKTT tại khu 6 (Nay là khu 4), xã Vĩnh L, huyện L, tỉnh P trả số tiền gốc và lãi theo "giấy vay tiền" ngày 26/01/2018 (âm lịch). Do đó xác định đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện L theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn, anh Phạm Ngọc S vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh Slà phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Về hợp đồng vay nợ: Theo nội dung "giấy vay tiền" bản gốc mà ông Lê Văn T đã cung cấp cho Tòa án thì anh Phạm Ngọc S có thực hiện giao dịch vay tiền vào ngày 26/01/2018 (âm lịch), ông T là người cho vay và anh S là người vay tiền. Giấy vay tiền có chữ ký và điểm chỉ của anh S, nội dung giấy vay tiền thể hiện anh S vay của ông T số tiền là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng). Tại các lời khai anh S xác nhận có vay tiền của ông T 03 lần với tổng số tiền 16.000.000đ thực tế anh S chỉ được cầm về 15.000.000đ, ông T là người giữ giấy vay tiền anh không giữ giấy tờ gì. Nay ông T khởi kiện anh Schỉ đồng ý trả số tiền 15.000.000đ và nhất trí trả lãi theo qui định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án anh Skhông cung cấp được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh về việc vay 03 lần với tổng số tiền 16.000.000đ. Xét yêu cầu khởi kiện của ông T, Hội đồng xét xử xét thấy việc vay nợ giữa ông T và anh S là đúng, thể hiện tại giấy vay tiền bản gốc mà ông T đã cung cấp cho tòa án và anh S cũng khẳng định chữ ký và chữ họ tên trong giấy vay tiền ngày 26/01/2018 (âm lịch) là chữ của anh, điểm chỉ cũng là tay của anh S điểm chỉ vào giấy vay tiền ngày 26/01/2018 (âm lịch). Vì vậy cần buộc anh S phải trả cho ông T số tiền gốc theo giấy vay nợ là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) là phù hợp.

Về lãi suất: Ông Lê Văn T xác định từ ngày vay đến nay anh S không trả lãi cho ông theo thỏa thuận miệng là gấp 2-3 lần lãi suất ngân hàng. Nay ông T yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ gốc 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) từ ngày 26/01/2018 âm lịch (tức ngày 13/3/2018 dương lịch) đến nay với lãi suất là 0,83%/01 tháng. Tại các lời khai anh S đề nghị tính lãi đối với số tiền 15.000.000đ nhưng anh không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh đối với số tiền gốc trên. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại các lời khai các bên đều thừa nhận có thỏa thuận lãi suất bằng miệng không ghi vào giấy vay tiền, như vậy việc vay nợ giữa ông T và anh Scó thỏa thuận về lãi suất nhưng các bên không thống nhất được lãi suất đã thỏa thuận. Nay ông T yêu cầu tính lãi đối với số tiền gốc 25.000.000đ theo qui định là 0,83%/tháng, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của ông T là phù hợp với qui định tại khoản 2 Điều 468, Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của ông T

về lãi suất là 0,83%/tháng đối với số tiền 25.000.000đ và thời điểm tính lãi từ ngày 26/01/2018 âm lịch (tức ngày 13/3/2018 dương lịch) đến ngày xét xử là ngày 10/8/2020 là 28 tháng 28 ngày. Cụ thể: (25.000.000đ x 0,83%) x 28 tháng 28 ngày = 5.997.400đ (Năm triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn bốn trăm đồng).

Về thời hạn và phương thức thanh toán: Ông T yêu cầu anh S phải trả toàn bộ số tiền gốc và lãi làm một lần. Anh S không có ý kiến gì về phương thức và thời hạn trả nợ. Hội đồng xét xử xét cần chấp nhận yêu cầu của ông T buộc anh S phải trả một lần toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi cho ông T là phù hợp.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T được chấp nhận nên ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh Phạm Ngọc S phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 463, Điều 466, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Khoản 1 Điều 147, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn T. Buộc anh Phạm Ngọc S có nghĩa vụ trả cho ông Lê Văn T số tiền gốc là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) và số tiền lãi là 5.997.400đ (Năm triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn bốn trăm đồng). Tổng số tiền gốc và lãi là: 30.997.400đ (Ba mươi triệu chín trăm chín mươi bảy nghìn bốn trăm đồng). Trả làm một lần kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí: Buộc anh Phạm Ngọc S phải nộp số tiền 1.549.000đ (Một triệu năm trăm bốn mươi chín nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh P;*
- *VKSND huyện L;*
- *Chi cục THADS huyện L*
- *Các đương sự;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu HS+VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Việt Giang